

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25/7/2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Giảng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thuận - Kiểm sát viên

Ngày 25/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1989 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1988 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28/02/2018, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Phạm Văn C kết hôn với nhau vào ngày 22/10/2008, việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N và đã được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại thôn M, xã M, huyện N. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu say và nghiện chất ma túy, về nhà chửi bới vợ, con. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, gia đình bố mẹ hai bên đã hòa giải nhiều lần, nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ cuối năm 2017 và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Theo chị P, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm

trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P và anh C ly hôn. Về con chung, chị P và anh C có 1 con chung tên là Phạm Thảo V, sinh ngày 16/4/2009, từ khi vợ chồng ly thân, con do chị P nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chị P tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/6/2018, bị đơn là anh Phạm Văn C thừa nhận lời khai của nguyên đơn về việc kết hôn và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng hiện nay là đúng. Về thời gian và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân, theo anh C, sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận được thời gian đầu, về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và không khắc phục được, nên chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02/2018 và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị P xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P và anh C ly hôn, anh C không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị P, anh C yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Về con chung, giữa anh C và chị P có 1 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con như chị P trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh C không đồng ý với yêu cầu của chị P về việc giao nuôi con, anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo V và tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, anh C cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, Thông báo về phiên hòa giải cho anh Phạm Văn C, nhưng anh C không có mặt theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Phạm Văn C vắng mặt lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn. Do anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên chị P yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt anh C theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của đương sự là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn đã xuất trình đầy đủ chứng cứ chứng minh quan hệ vợ chồng của mình là hợp pháp, về con chung và nguyện vọng của con chưa thành niên từ 7 tuổi trở lên khi bố mẹ ly hôn, vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Việc kiện giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị P, bị đơn anh Phạm Văn C là việc kiện về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Ngọc Lặc, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng đầy đủ, đúng trình tự; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định, Thông báo của Tòa án cho các đương sự, nhưng anh C không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, anh C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P và bị đơn là anh Phạm Văn C là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai người đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng theo chị Phương là do anh C không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu và có biểu hiện nghiện chất ma túy. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình đã dàn xếp, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên chị P và anh C đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải cho anh C, anh C có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng anh C không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị P vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P và anh C ly hôn. Xét thấy, tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Văn C ly hôn.

[3]. Về con chung: Theo lời khai, tài liệu mà chị P cung cấp và ý kiến của anh C có đủ cơ sở để xác định cháu Phạm Thảo V, sinh ngày 16/4/2009 là con chung của chị P và anh C. Khi ly hôn, cả chị P và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị P, anh C là chính đáng, song việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của người nuôi, quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng của con chưa thành niên đã đủ 7 tuổi trở lên. Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, thì cả chị P, anh C đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, nhưng hiện nay cháu Thảo V đã trên 7 tuổi và cháu có nguyện vọng được ở với chị P. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị P và nguyện vọng của cháu Thảo V, giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo V là phù hợp, bảo đảm được quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên. Xét sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi

con thấy rằng: Sự tự nguyện của chị P không vi phạm các điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận sự tự nguyện của chị P, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

[4]. Về tài sản: Chị P và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Văn C ly hôn.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thảo V, sinh ngày 16/4/2009. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P, anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị P. Anh C có quyền thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003981 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc. Chấp nhận chị P đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Minh Tiến;
- Chi cục THADS H. Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Viết Giảng